

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL23B1KH** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02088** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Hòa giải tuyên truyền pháp luật**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015277	Nguyễn Trung	An	19/05/1987			7	8	8.0				8.0		7.9
2	2353801015278	Huỳnh Văn	Chiến	10/07/1977			5	8	8.0				7.0		7.1
3	2353801015279	Nguyễn Bé	Dư	04/05/1982			5	5	5.0				6.0		5.6
4	2353801015280	Lê Thanh	Dũng	01/01/1965			8	8	8.0				7.5		7.7
5	2353801015281	Huỳnh Văn	Đèo	18/03/1988			7	8	8.0				7.0		7.3
6	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc	Giang	19/09/1982			7	8	8.0				8.5		8.2
7	2353801015283	Nguyễn Thị	Giang	21/06/1990			7	7	8.0				8.0		7.8
8	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/11/1985			8	8	8.0				7.5		7.7
9	2353801015285	Lê Minh	Hiền	20/02/2001			6	7	8.0				6.0		6.5
10	2353801015286	Nguyễn Văn	Hiền	06/12/1983			6	8	8.0				9.0		8.4
11	2353801015287	Thái Xuân	Hoàng	02/09/1988			6	8	8.0				7.0		7.2
12	2353801015288	Võ Minh	Hùng	09/11/1996			0	0	0.0				0.0	0.0	0.0
13	2353801015289	Huỳnh Quốc	Huy	18/10/1993			9	8	8.0				8.5		8.4
14	2353801015290	Nguyễn Hoàng	Khanh	01/12/1982			7	8	8.0				6.5		7.0
15	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	14/03/1985			7	8	8.0				7.0		7.3
16	2353801015292	Phạm Thị Mỹ	Lệ	04/05/1983			8	8	8.0				7.5		7.7
17	2353801015293	Ngô Văn	Nấm	19/11/1975			6	8	8.0				9.0		8.4
18	2353801015294	Trịnh Thị Kim	Ngân	15/11/1993			6.5	8	8.0				9.0		8.5
19	2353801015295	Trần Văn	Nghé	19/05/1985			8.5	8	8.0				7.0		7.5
20	2353801015296	Huỳnh Văn	Nghĩa	08/05/1974			6	8	8.0				8.0		7.8
21	2353801015297	Nguyễn Đức	Nhã	20/05/1974			6	8	8.0				7.5		7.5
22	2353801015298	Lê Thành	Nhân	10/05/1988			7	8	8.0				8.0		7.9
23	2353801015368	Lê Thị Ngọc	Thảo	12/08/1987			7	8	8.0				7.5		7.6
24	2353801015374	Võ Thị Bích	Ngà	27/01/2008			0	0	0.0				0.0	0.0	0.0
25	2353801015375	Nguyễn Minh	Thuận	19/09/2003			5	8	8.0				7.5		7.4

Châu Đốc, ngày 1 tháng 7 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền